

Số:1298/QĐ-UBND

Long An, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Long An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/10/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25/12/2024 của Bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 648/TTr-SNN ngày 04/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục, nội dung và quy trình nội bộ giải quyết 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản; bãi bỏ 01 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Long An.

(Gồm 13 trang phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan cập nhật nội dung các thủ tục hành chính lên Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh ngay khi nhận được quyết định công

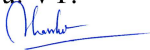
bố; chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh triển khai việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo nội dung phê duyệt tại Quyết định này.

2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT.UBND tỉnh;
- VNPT Long An;
- TT CNTT (Sở TT và TT);
- TTPVHCC;
- Phòng TH-KSTTHC;
- Lưu: VT.





CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Út



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH LONG AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 12 /02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An)

PHẦN I.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC (CSQLQG)	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện			Quyết định công bố của Bộ/Ngành
							Trực tiếp	BCCI	Trực tuyến (một phần/tàn phần)	
CẤP TỈNH: 01										
I LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN										
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (15 ngày liên tục)	700.000 đồng/ cơ sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Trồng trọt, BVTV và QLCLNS)	x	x	Một phần	Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25/12/2024 của Bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông

										lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
	CẤP TỈNH: 01			
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN			
1	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	2.001823	Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT	Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH SỬA ĐỔI LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LONG AN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 01

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản - 2.001827.

a) Trình tự thực hiện:

*** Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa phương và tàu cá của địa phương khác (trừ các cơ sở nêu tại khoản 1 Điều 5 tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT) nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An (Tầng 2- Khối nhà cơ quan 4, Khu Trung tâm Chính trị - Hành chính tỉnh, địa chỉ: số 02 đường Song hành, phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An).

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Các Chi cục có liên quan: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản) giải quyết.

Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

- + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thông báo kết quả tới cơ sở, ngày dự kiến thẩm định.
- + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thành lập Đoàn thẩm định

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ.

Bước 4. Tổ chức thẩm định tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Đoàn thẩm định công bố quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định;

- Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định.

- Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần).

- Thực hiện Cấp giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT trong trường hợp:

+ Cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu trong trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định.

+ Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra và thực hiện việc Cấp giấy chứng nhận.

Trường hợp kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương để giám sát cơ sở không được hoạt động.

*** Bước 5. Trả kết quả**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An thông báo người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).

- Người nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả.

- **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ theo quy định)

+ Sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút.

b) Cách thức thực hiện: Cá nhân nộp hồ sơ: trực tiếp, qua bưu điện hoặc trực tuyến trên trang Cổng Dịch vụ công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ gồm:**

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hóa (đánh X)
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;	
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
3	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tham khảo theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT	X
4	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp	X
5	Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận	X

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (15 ngày làm việc liên tục).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản).

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Các Chi cục có liên quan: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

- Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

h) Phí, lệ phí: Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tham khảo theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TTBNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25/12/2024 của Bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

3. Điện thoại Email

4. Mã số đăng ký kinh doanh:

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

.....

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV: BẢN THUYẾT MINH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

2. Địa chỉ:

3. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước DN 100% vốn nước ngoài

DN liên doanh với nước ngoài DN Cổ phần

DN tư nhân Khác

(ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Công suất thiết kế:

6. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):

10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh	Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và ... đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài

Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

**PHẦN III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN.**

Quy trình số: 01

**THỦ TỤC: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN
THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, số hóa hồ sơ chuyển Lãnh đạo TTPVHCC	Công chức Sở Nông nghiệp và PTNT làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	02 giờ làm việc
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản)	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc

Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ TTPVHCC, Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý chất lượng và Thương mại; Phòng Chăn nuôi, Bảo tồn và PTNLTS; Phòng Kỹ thuật	Công chức phòng Hành chính tổng hợp	04 giờ làm việc
Bước 4	Phân công chuyên viên thực hiện	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng và Thương mại; Phòng Chăn nuôi, Bảo tồn và PTNLTS; Phòng Kỹ thuật	04 giờ làm việc
Bước 5	<i>Tiến hành thẩm định:</i> Kiểm tra thực tế tại cơ sở: Thành lập Đoàn kiểm tra tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.	Đoàn thẩm định của các Chi cục có liên quan (Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng nông sản; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản)	09 ngày
Bước 6	<i>Thẩm tra việc đánh giá của Đoàn kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:</i> Thẩm tra lại biên bản kiểm tra tại cơ sở: + Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho cơ sở. + Nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo kết quả kiểm tra chưa đủ điều kiện ATTP, nêu rõ lý do; yêu cầu cơ sở báo cáo kết quả khắc phục.	Đoàn thẩm tra đánh giá việc kiểm tra, thẩm định của các Chi cục có liên quan (Trồng trọt, BVTV và QLCLNS; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản)	03 ngày
Bước 7	Dự thảo, trình lãnh đạo phê duyệt giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc thông báo đối với cơ sở chưa đạt	Công chức phòng Quản lý chất lượng và Thương mại; Phòng Chăn nuôi, Bảo tồn và PTNLTS; Phòng Kỹ thuật	02 giờ làm việc

Bước 8	Kiểm tra, ký nháy và chuyển hồ sơ đến Thủ trưởng đơn vị nếu đồng ý với kết quả của chuyên viên thực hiện, nếu không đồng ý chuyển về Bước 7	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng và Thương mại; Phòng Chăn nuôi, Bảo tồn và PTNLTS; Phòng Kỹ thuật	02 giờ làm việc
Bước 9	Ký phê duyệt kết quả TTHC, nếu không đồng ý chuyển về Bước 8	Lãnh đạo Chi cục có liên quan (Trồng trọt, BVTV và QLCLNS; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản)	02 giờ làm việc
Bước 10	Đóng dấu và phát hành, Số hóa kết quả giải quyết TTHC chuyển trả trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử đến Trung tâm PVHCC	Công chức phòng Hành chính-Tổng hợp	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			